

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2018

“V/v Ly hôn” giữa ông Nguyễn
Minh Q và bà Nguyễn Kim Ngọc T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quang Vọng

2. Ông Điều Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1974 (Có mặt)

HKTT: Khu phố V, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Đội 1, thôn Q, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim Ngọc T, sinh năm 1970 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Khu phố V, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q trình bày:

Ông Q và bà T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Phước Long (cũ), tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do công việc làm ăn thua lỗ,

vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Đến năm 2016, mâu thuẫn càng trầm trọng thì bà T bỏ ra ngoài thuê trọ sống cho đến nay, bà T thường xuyên thay đổi chỗ ở, ban đầu ông Q có đi tìm, khuyên nhủ bà T về nhưng bà T không đồng ý, đến khi ông Q thông báo đã nộp đơn xin ly hôn thì bà T nói đang đi làm không sắp xếp thời gian lên Tòa án nên sẽ làm đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho ông Q được ly hôn với bà Nguyễn Kim Ngọc T.

Trong quá trình chung sống, ông Q và bà T có 02 người con chung là Nguyễn Bảo D, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh G, sinh năm 1998. Các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 15/6/2018, bị đơn bà Nguyễn Kim Ngọc T trình bày: Ông Q và bà T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Phước Long (cũ), tỉnh Bình Phước. Từ năm 2014 đến năm 2015 thì giữa ông Q và bà T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau do ông Q không còn quan tâm đến gia đình. Đến năm 2015, bà T đã sống ly thân với ông Q và bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông Q nữa. Vì vậy, bà T đồng ý ly hôn với ông Q.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông Q có 02 người con chung là Nguyễn Bảo D, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh G, sinh năm 1998. Các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Minh Q khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với bà Nguyễn Kim Ngọc T đang cư trú tại: Khu phố V, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Kim Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

[2] Ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Kim Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Phước Long (cũ), tỉnh Bình Phước, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn do kinh doanh thua lỗ, hay cãi vã lẫn nhau, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Do các con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7]. Về án phí: Ông Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh Q được ly hôn với bà Nguyễn Kim Ngọc T.

2. Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005xxx ngày 08/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 27/8/2018, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

